

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU EUROCAR VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU EUROCAR VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: EUROCAR VIET NAM IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: EUROCAR , JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107724679

**3. Ngày thành lập:** 15/02/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 30 ngách 21/50 thôn Yên Xá, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                     | 1812     |
| 2.  | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                       | 3313     |
| 3.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                       | 3314     |
| 4.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                      | 3320     |
| 5.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                 | 4661     |
| 6.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                          | 4511     |
| 7.  | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                 | 4512     |
| 8.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                            | 4513     |
| 9.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác<br>+ Bảo dưỡng thông thường,<br>+ Sửa chữa thân xe,<br>+ Sửa chữa các bộ phận của ô tô,<br>+ Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn,<br>+ Sửa tấm chắn và cửa sổ,<br>+ Sửa ghế, đệm và nội thất ô tô, | 4520     |
| 10. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                           | 4530     |
| 11. | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                            | 4541     |
| 12. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                          | 4542     |
| 13. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                        | 4543     |
| 14. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Đại lý                                                                                                                                                                                                          | 4610     |
| 15. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                          | 4651     |
| 16. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                           | 4652     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4659        |
| 18. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4742        |
| 19. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4321        |
| 20. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3312        |
| 21. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4933        |
| 22. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8299(Chính) |
| 23. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định.<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>- Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô                                                                                                        | 4932        |
| 24. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(trừ kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5210        |
| 25. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7710        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM MINH TUÂN | Số 293 Vũ Hữu, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam    | Cổ phần phổ thông | 32.500     | 325.000.000           | 6,500     | 0350810001<br>84                                                                            |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số           | 32.500     | 325.000.000           | 6,500     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                     |                                                                                                        |                   |         |               |        |                  |  |
|---|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------|---------------|--------|------------------|--|
| 2 | BÙI NGỌC BẢO        | Số 293 phố Vũ Hữu, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông | 115.000 | 1.150.000.000 | 23,000 | 012835499        |  |
|   |                     |                                                                                                        | Tổng số           | 115.000 | 1.150.000.000 | 23,000 |                  |  |
|   |                     |                                                                                                        |                   |         |               |        |                  |  |
| 3 | NGUYỄN TÀI ANH TUẤN | P309-nhà A2 ngõ 42, phố Triều Khúc, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 65.000  | 650.000.000   | 13,000 | 0010730064<br>17 |  |
|   |                     |                                                                                                        | Tổng số           | 65.000  | 650.000.000   | 13,000 |                  |  |
|   |                     |                                                                                                        |                   |         |               |        |                  |  |
| 4 | NGUYỄN THỊ NGỌC VÂN | Số 6 Phan Chu Trinh, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                     | Cổ phần phổ thông | 65.000  | 650.000.000   | 13,000 | 0011740072<br>35 |  |
|   |                     |                                                                                                        | Tổng số           | 65.000  | 650.000.000   | 13,000 |                  |  |
|   |                     |                                                                                                        |                   |         |               |        |                  |  |
| 5 | NGUYỄN NGỌC TUẤN    | Số 23 ngõ 151 phố Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông | 115.000 | 1.150.000.000 | 23,000 | 013444076        |  |
|   |                     |                                                                                                        | Tổng số           | 115.000 | 1.150.000.000 | 23,000 |                  |  |
|   |                     |                                                                                                        |                   |         |               |        |                  |  |
| 6 | NGUYỄN VĂN THUY     | Thôn Truy Đình, Xã Văn Cẩm, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam                                    | Cổ phần phổ thông | 10.000  | 100.000.000   | 2,000  | 0340870005<br>50 |  |
|   |                     |                                                                                                        | Tổng số           | 10.000  | 100.000.000   | 2,000  |                  |  |
|   |                     |                                                                                                        |                   |         |               |        |                  |  |
| 7 | NGÔ VĂN HUNG        | P206-khu di dời Xuân la 1, ngõ 28 Xuân La , Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam    | Cổ phần phổ thông | 32.500  | 325.000.000   | 6,500  | B2277669         |  |
|   |                     |                                                                                                        | Tổng số           | 32.500  | 325.000.000   | 6,500  |                  |  |
|   |                     |                                                                                                        |                   |         |               |        |                  |  |
| 8 | VŨ HỒNG PHÚC        | Số 22 ngõ 435 đường Hồng Hà, Phường Phúc Tân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 65.000  | 650.000.000   | 13,000 | B4820954         |  |
|   |                     |                                                                                                        | Tổng số           | 65.000  | 650.000.000   | 13,000 |                  |  |
|   |                     |                                                                                                        |                   |         |               |        |                  |  |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VŨ HỒNG PHÚC**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *26/11/1963*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: *B4820954*

Ngày cấp: *25/02/2011*

Nơi cấp: *Cục quản lý xuất nhập cảnh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 22 ngõ 435 đường Hồng Hà, Phường Phúc Tân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 17 ngõ 435 đường Hồng Hà, Phường Phúc Tân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội